

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 111/2020/HSST

Ngày 30/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang H; bà Nguyễn Thị L.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Minh T - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Hà - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 30/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2020/TLST-HS ngày 29/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/QĐXXST-HS ngày 15/6/2020 đối với bị cáo:

Vũ Ngọc T, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHTT: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 59/2013/HSST ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 30/4/2014 chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tại bản án số 28/2016/HSST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xử phạt 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 30/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/9/2007 bị Công an huyện N, tỉnh N xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 08/3/2008 bị Công an huyện N, tỉnh N xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác. Tại Quyết định số 44/QĐ ngày 12/01/2011 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh N đưa đi chữa bệnh (cai nghiện) bắt buộc trong thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; HKTT: Khu K, phường V, thành phố B (xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: - Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989; Trú tại: Khu 4, phường V, thành phố B, tỉnh B (có mặt);
- Anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1983; Trú tại: Số 231 đường Lê Phụng H, phường K, thành phố B (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 20 giờ ngày 16/3/2020, tại khu K, phường V, thành phố B, tỉnh B, Vũ Ngọc T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn N chiếm đoạt 01 bộ bàn ghế gỗ hương (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn) trị giá 25.000.000đ ; 01 laptop nhãn hiệu Asus F450L màu đen trị giá 1.200.000đ ; 01 máy nén khí nhãn hiệu Pand Air loại 8kg màu xanh thị giá 2.300.000đ ; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ xoan đào (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn) trị giá 3.200.000đ, tổng giá trị tài sản nêu trên là 31.700.000đ.

Tại bản kết luận định giá số 39/KL- HĐ, ngày 20/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận: 01 bộ bàn ghế gỗ hương (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn) trị giá 25.000.000đ ; 01 laptop nhãn hiệu Asus F450L màu đen trị giá 1.200.000đ ; 01 máy nén khí nhãn hiệu Pand Air loại 8kg màu xanh thị giá 2.300.000đ ; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ xoan đào (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn) trị giá 3.200.000đ. Tổng giá trị tài sản nêu trên là 31.700.000đ.

Anh Phạm Văn H, anh Nguyễn Thế P do không biết số tài sản mua của T là do T trộm cắp được. Toàn bộ số tài sản anh H, anh P đang giữ là vật chứng liên quan đến vụ án nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra; chị Nga tự nguyện giao nộp 02 chiếc chìa khóa nhãn hiệu Zyceti.

Cáo trạng số: 99/CT-VKSNDTPB ngày 29/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố Vũ Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Ngọc T khai: Bị cáo và chị Lò Thị N, sinh năm 1984; HKTT: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh N có mối quan hệ quen biết. Ngày 15/3/2020 chị N đến nhà tuần chơi. T biết chị N có chùm chìa khóa văn phòng trước đây chị N làm việc cho một người Trung Quốc làm chủ, thuê ở khu K, phường V, B nhưng đã dừng hoạt động trước ngày 15/3/2020 và đã bàn giao lại nhà và tài sản cho chủ nhà. T đã nhiều lần đến Công ty chị N chơi và biết ở đây không có người trông coi. T nảy sinh ý định trộm cắp nên đã lấy 02 chiếc chìa khóa cửa văn phòng trong túi chị N. Sau khi lấy được chìa khóa T bắt xe khách từ N lên thành phố B. Khoảng 20 giờ ngày 16/3/2020 T đi qua cửa hàng mua bán điện lạnh của anh Phạm Văn H ở khu 4, B, phường V, thành phố B, thấy có số điện thoại nên T gọi nói bán cho ít đồ cũ không dùng nữa cần thanh lý. T hỏi H có mua không, H đồng ý và hẹn nhau ở khu vực

Bệnh viện Đa khoa B. T đưa H đến nhà N, là văn phòng Công ty trước đây N làm. T dùng chiếc chìa khóa mở cửa đi vào lấy 01 bộ bàn ghế gỗ hương (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn); 01 laptop nhãn hiệu Asus F450L màu đen trị giá; 01 máy nén khí nhãn hiệu Pand Air loại 8kg màu xanh; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ xoan đào (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn). T đã bán cho anh H toàn bộ số tài sản với giá 22.000.000đ. T và H đã thuê xe ô tô để vận chuyển sau đó cả ba quay lại nhà anh N cùng khuân các tài sản lên xe ô tô chở về nhà anh H ở khu B, phường V, thành phố B. Tại nhà H, T bớt cho H 300.000đ, H trả T 21.700.000đ. Số tiền này T đã ăn tiêu cá nhân hết.

Người bị hại là anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai có trong hồ sơ thể hiện toàn bộ số tài sản bị cáo chiếm đoạt anh đã nhận lại đầy đủ, không yêu cầu bị cáo Tuấn phải bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn H trình bày: Anh làm kinh doanh đồ cũ, chủ cửa hàng điện lạnh “Hồng Hải” tại khu 4, phường V, thành phố B. Khi nghe T nói có ít đồ cũ văn phòng chuyển đi muốn bán vì không biết là tài sản trộm cắp nên đã mua. Sau khi được cơ quan cảnh sát điều tra thông báo số tài sản anh mua của T là vật chứng của vụ án, anh đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Anh H yêu cầu T phải trả anh số tiền 21.700.000đ anh mua số tài sản của Tuấn.

Anh Nguyễn Thế P có lời khai thể hiện anh đến cửa hàng bán đồ cũ của anh H ở khu 4, phường V, B, anh đã mua bộ bàn ghế gỗ xoan đào gồm 01 ghế dài, 02 ghế ngắn, 01 bàn, 01 đôn với giá 3.000.000đ. Bản thân anh không biết đó là tài sản trộm cắp nên đã mua, sau khi biết tài sản anh mua là vật chứng liên quan vụ án anh đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra. Anh H đã trả lại cho anh 3.000.000đ, anh không có đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/3/2020.

Vấn đề trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo T phải trả anh Phạm Văn H số tiền 21.700.000đ.

Anh H đã trả lại anh P số tiền 3.000.000đ anh P mua bàn ghế của anh H, anh P không yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng: Toàn bộ tài sản: 01 bộ bàn ghế gỗ hương hộp gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn, 01 laptop nhãn hiệu Asus F450L màu đen, 01

máy nén khí nhãn hiệu Pand Air loại 8 kg màu xanh, 01 bộ bàn ghế bằng xoan đào gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn và 02 chiếc chìa khóa nhãn hiệu Zyciti đã trả cho anh Nguyễn Văn N.

Bị cáo không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Bị cáo chỉ xin hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Ngọc T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 16/3/2020, tại khu K, phường V, thành phố B, tỉnh B, Vũ Ngọc T đã có hành vi lén lút vào nhà anh Nguyễn Văn N chiếm đoạt 01 bộ bàn ghế gỗ hương (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn) trị giá 25.000.000đ ; 01 laptop nhãn hiệu Asus F450L màu đen trị giá 1.200.000đ ; 01 máy nén khí nhãn hiệu Pand Air loại 8kg màu xanh trị giá 2.300.000đ ; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ xoan đào (gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đôn, 02 ghế đơn) trị giá 3.200.000đ, tổng giá trị tài sản nêu trên là 31.700.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thành phố Bắc Ninh. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do bản tính lười lao động, muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 10/9/2007 bị Công an huyện N, tỉnh N xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 08/3/2008 bị Công an huyện N, tỉnh N xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác. Tại Quyết định số 44/QĐ ngày 12/01/2011 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh N đưa đi chữa bệnh (cai nghiện) bắt buộc trong thời hạn 24 tháng. Bị cáo đã từng bị xét xử: Tại bản án số 59/2013/HSST ngày 19/9/2013

của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (ngày 30/4/2014 chấp hành xong toàn bộ bản án). Bản án số 28/2016/HSST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tại bản án này Tòa án huyện N đã áp dụng tình tiết tái phạm, ngày 30/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học ngày 16/3/2020 lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là con người khó giáo dục cải tạo, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt. Cáo trạng truy tố bị cáo Vũ Ngọc T theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và cân nhắc những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối chiếu với các quy định pháp luật và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, biết tuân thủ pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản do T đã chiếm đoạt cho anh Nguyễn Văn N, anh N đã nhận lại đầy đủ không có yêu cầu gì khác, do vậy không xem xét.

Anh H đã trả lại anh P số tiền 3.000.000đ anh P mua bàn ghế của anh H, anh P không yêu cầu gì khác.

Buộc bị cáo T phải trả anh Phạm Văn H số tiền 21.700.000đ. Yêu cầu của anh H là có căn cứ cần buộc bị cáo T phải trả anh H số tiền 21.700.000đ.

[6] Về vật chứng: Toàn bộ tài sản: 01 bộ bàn ghế gỗ hương hộp gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đơn, 02 ghế đơn, 01 laptop nhãn hiệu Asus F450L màu đen, 01 máy nén khí nhãn hiệu Pand Air loại 8 kg màu xanh, 01 bộ bàn ghế bằng xoan đào gồm 01 bàn, 01 ghế trường, 01 đơn, 02 ghế đơn và 02 chiếc chìa khóa nhãn hiệu Zyciti đã trả cho anh Nguyễn Văn N.

Người lái xe chở số tài sản T trộm cắp từ nhà anh N đến nhà anh H. Cả anh H và T đều không biết người lái xe này là ai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với anh H, anh P là người mua tài sản do T trộm cắp được. Tuy nhiên anh H, anh P đều không biết số tài sản 02 anh mua do T trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

Chị N là người giữ chìa khóa mở cửa nhà anh N. Chị N không biết T lấy chìa khóa với mục đích gì, chị N không biết T trộm cắp tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/3/2020. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo T phải trả anh Phạm Văn H số tiền 21.700.000đ (hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.085.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng

